TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **239**/2026/DS-PT
Ngày: 02/04/2026
V/v "*Tranh chấp HĐ hứa thưởng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng
Ông Bùi Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Hải – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Kim – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 605/2025/TLPT-DS ngày 26/11/2025 về việc: *"Tranh chấp HĐ hứa thưởng"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 78/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 136/2026/QĐ-PT ngày 09/02/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T - Trưởng Văn phòng L (nay là Công ty L1).

Địa chỉ: A N, ấp G, xã X, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Đức V, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 234/14 khu phố Nam Hà, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Phú Q, sinh năm 1962.

Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp A, xã X, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Như T1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số I N, tổ B, khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Mỹ N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp A, xã X, tỉnh Đồng Nai.

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm:

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy**

quyền của nguyên đơn là ông Dương Đức V trình bày:

Vợ chồng ông Huỳnh Phú Q, bà Lê Thị Mỹ D là chủ sử dụng đất của các thửa đất số 112, 113, 114, 115 tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Ngày 05/6/2020, UBND huyện X ban hành Quyết định số 3272/QĐ- UBND thu hồi các thửa đất trên để thực hiện dự án xây dựng đường bộ cao tốc D - P và Quyết định số 3285/QĐ – UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Q và bà D với số tiền 4.143.911.937 đồng (Bốn tỷ một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm mười một ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng).

Chưa đồng ý với giá bồi thường, hỗ trợ trên nên ông Q, bà D đã nhiều lần đến Văn phòng L, gặp gỡ liên hệ làm việc với Luật sư Lê Văn T với mong muốn được nhận kinh phí bồi thường, hỗ trợ cao hơn. Ngày 14/8/2020, vợ chồng ông Q, bà D đã ký hợp đồng hứa thưởng với Văn phòng Luật sư Tâm N1 với nội dung "Văn phòng luật sư Tâm N1 sẽ thay mặt và nhân danh cho ông Q, bà D tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ. Phía ông Q, bà D có trách nhiệm trả cho Văn phòng Luật sư Tâm Nam 20% trên tổng số tiền nhận được".

Sau khi ký hợp đồng, Văn phòng L soạn thảo đơn khiếu nại cho ông Q, bà D, gửi đơn khiếu nại đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn huyện X để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông Q, bà D. Các cơ quan này mời ông Q lên làm việc và cam kết giải quyết vụ việc của ông bà theo đúng quy định của pháp luật nên ông bà rút các đơn khiếu nại mà Văn phòng L đã gửi. Ông Q, bà D có yêu cầu chấm dứt hợp đồng hứa thưởng nhưng phía nguyên đơn không đồng ý.

Ngày 23/12/2020 ông Q, bà D đã được Ủy ban nhân dân huyện X ra quyết định hỗ trợ số tiền 7.200.280.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng) nhưng không thông báo và không trả thưởng cho Văn phòng L như hợp đồng hứa thưởng nên ngày 10/3/2021 Văn phòng L khởi kiện để yêu cầu ông Q, bà D phải thực hiện hợp đồng hứa thưởng. Tại bản án số 11/2022/DS-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Q, bà D phải trả cho Văn phòng L số tiền 1.440.000.000 đồng. Ông Q, bà D kháng cáo nhưng tại bản án số 111/2022/DS-PT ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tuyên không chấp nhận kháng cáo của ông Q, bà D giữ nguyên bản án sơ thẩm. Khi bản án đã có hiệu lực pháp luật, Văn phòng L đã làm đơn yêu cầu thi hành án và ông Q, bà D đã thi hành án được 1.300.000.000 đồng nên phía Văn phòng luật sư Tâm N1 đã làm đơn gửi đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, không yêu cầu thi hành số tiền còn lại nên ngày 28/6/2024 Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc đã ban hành Quyết định số 22/QĐ-CCTHADS về việc đình chỉ thi hành án.

Ngày 24/10/2024 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 271/2024/DS-GĐT tuyên hủy toàn bộ

bản án sơ thẩm lẫn phúc thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật với nhận định "Luật sư không được ký hợp đồng hứa thưởng với khách hàng". Nay phía nguyên đơn xác định Hợp đồng hứa thưởng ngày 14/8/2020 được ký kết giữa Văn phòng L ký với ông Q, bà D là hợp đồng dịch vụ pháp lý chứ không phải hợp đồng hứa thưởng, do sai sót về cách dùng từ nên ghi là hợp đồng hứa thưởng chứ bản chất là hợp đồng dịch vụ pháp lý. Phía nguyên đơn đã nhận được tiền dịch vụ pháp lý do ông Q, bà D thi hành án theo phán quyết của Tòa án nên rút lại yêu cầu khởi kiện. Riêng đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, phía nguyên đơn không chấp nhận, đề nghị Tòa án bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

*** Bị đơn ông là Huỳnh Phú Q, bà Lê Thị Mỹ D trình bày:**

Do không đồng ý với số tiền hỗ trợ, đền bù của Ủy ban nhân dân huyện X nên ông bà có đến Văn phòng luật sư Tâm N1 để được tư vấn. Ngày 14/8/2020, ông bà đã ký kết hợp đồng hứa thưởng với Văn phòng L, do ông Lê Văn T làm đại diện. Đôi bên có thỏa thuận là vợ chồng ông bà sẽ chi 20% trên tổng số tiền do Ủy ban nhân dân huyện X chi trả. Ngay khi ký kết hợp đồng, ông bà đã trả trước cho ông T 10.000.000 đồng nhưng không lập giấy tờ.

Văn phòng L có thảo 3 lá đơn khiếu nại gửi đến 3 cơ quan chức năng trên địa bàn huyện. Ủy ban nhân dân huyện X có mời ông bà lên, giải thích là ông bà nếu đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ thì nhà nước sẽ xác minh, thẩm tra và hỗ trợ theo quy định, không liên quan đến các đơn khiếu nại của Văn phòng L nên ông bà đã rút lại tất cả các đơn khiếu nại của Văn phòng L. Ngày 16/9/2020 ông bà đến gặp ông T – Trưởng Văn phòng luật sư yêu cầu chấm dứt hợp đồng hứa thưởng nhưng không được đồng ý. Ông T đã khởi kiện ông bà, theo phán quyết của cấp sơ thẩm và phúc thẩm thì ông bà phải trả cho Văn phòng L 20% trên tổng số tiền nhận được hỗ trợ, bồi thường là 1.440.000.000 đồng. Ông bà đã làm đơn yêu cầu giám đốc thẩm và đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc tạm đình chỉ thi hành án để chờ phán quyết của cấp cao nhưng không được chấp nhận nên ông bà đã thi hành án, giao cho Văn phòng L số tiền 1.300.000.000 đồng. Qua quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định "Luật sư không được ký hợp đồng hứa thưởng với khách hàng" nên Hợp đồng hứa thưởng vô hiệu từ thời điểm ký kết, phải hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận nên vợ chồng ông có yêu cầu phản tố, yêu cầu Văn phòng L phải trả lại cho ông bà 1.270.000.000 đồng (trừ chi phí soạn thảo, gửi thư, đi lại cho Văn phòng L 30.000.000 đồng). Việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên tòa thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, ông bà vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố của mình.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Mỹ N trình bày:** Bà thống nhất với ý kiến của ông Q, bà D

*** Bản án số 78/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai đã tuyên xử:**

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T – Trưởng Văn phòng L (nay là Công ty L1) về tranh chấp hợp đồng hứa thưởng với ông Huỳnh Phú Q, bà Lê Thị Mỹ D.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phú Q, bà Lê Thị Mỹ D.

Buộc ông Lê Văn T – Trưởng Văn phòng L (nay là Công ty L1) phải hoàn trả cho ông Q, bà Duyên số tiền 1.270.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng).

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 02/10/2025, ông T kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn buộc ông Lê Văn T – Trưởng Văn phòng L (nay là Công ty L1) phải hoàn trả cho ông Q, bà Duyên số tiền 1.270.000.000 đồng.

Tại phần tranh luận ở phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông T thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị hủy tòa bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về đường lối giải quyết:

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn (ông T) xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, cấp sơ thẩm không đình chỉ toàn bộ vụ án mà đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông T, đồng thời thay đổi địa vị tố tụng của đương sự để tiếp tục giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp với Điều 244 và Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự. Sai sót về tố tụng của cấp sơ thẩm là không nghiêm trọng không cần thiết hủy án sơ thẩm.

Hợp đồng hứa thưởng ngày 14/8/2020 giữa ông Huỳnh Phú Q, bà Lê Thị Mỹ D với Văn phòng L thoả thuận ông Q, bà D có trách nhiệm trả cho Văn phòng L 20% tổng giá trị tài sản hoặc tổng tài sản được hưởng từ việc giải quyết hỗ trợ.

Căn cứ Điều 54, Điều 55, Điều 56 và khoản 2 Điều 26 Luật Luật sư, khách hàng phải trả thù lao khi sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư; đồng thời phương thức tính, mức thù lao cụ thể và các khoản chi phí phải được thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý. Văn bản ngày 14/8/2020 không được các bên xác lập, sử dụng và thực hiện như một hợp đồng dịch vụ pháp lý, ông T không chứng minh được khoản 1.440.000.000 đồng là khoản thù lao, chi phí hợp pháp được thỏa thuận đúng theo một hợp đồng dịch vụ pháp lý để

pháp luật bảo vệ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu giữ lại khoản tiền này là có căn cứ.

Ông Q, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, nhưng không yêu cầu hoàn trả toàn bộ 1,3 tỷ đồng, mà chỉ yêu cầu hoàn trả 1.270.000.000 đồng, tức tự nguyện không yêu cầu hoàn trả 30.000.000 đồng còn lại. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố trong phạm vi 1,27 tỷ đồng là đúng với chứng cứ và đúng với quyền tự định đoạt của đương sự theo Điều 5 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục kháng cáo, phạm vi giải quyết phúc thẩm:

Ngày 02/10/2025 ông Lê Văn T nộp đơn kháng cáo, đương sự nộp đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm do đó kháng cáo được thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Người tham dự phiên tòa: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Huỳnh Mỹ N đề nghị xét xử vắng mặt nên áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[3] Xét kháng cáo:

Ngày 24/12/2024 Uỷ ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 271/2024/DS-GĐT theo đó hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 111/2022/DS-PT ngày 19/8/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai và Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 05/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc, giao cho Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Lê Văn T rút yêu cầu khởi kiện và đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án. Bị đơn có mặt tại phiên toà không đồng ý với việc rút đơn. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự thì trong tình huống bị đơn không đồng ý, cũng như chưa có ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì việc Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tranh chấp hợp đồng hứa thưởng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại biên bản hoà giải ngày 10/9/2025 nguyên đơn xác định yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.440.000.000 đồng. Lẽ ra do không được đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trên cơ sở nhận định của Quyết định

giám đốc thẩm, cấp sơ thẩm cần tiếp tục xem xét đánh giá hợp đồng hứa thưởng ngày 14/8/2020 đang tranh chấp, để xem xét chấp nhận hay không yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó tính án phí có giá ngạch đối với giá trị phần yêu cầu không được chấp nhận cho nguyên đơn, giá trị phần yêu cầu được chấp nhận cho bị đơn.

Từ phân tích trên, do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T huỷ bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 78/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai.

Giao hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả ông Lê Văn Tiến T 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003118 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai
- TAND KV6-Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Nguyễn Công Sự